

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOÀN

Số: 42/BC- THTQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày 20 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính
của trường tiểu học Trần Quốc Toàn năm 2023**

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận sơn Trà

Thực hiện Công văn số 419/UBND-TCKH ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND quận Sơn Trà về việc báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023, trường tiểu học Trần Quốc Toàn báo cáo Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2023, cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung

Nhà trường đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Thực hiện thu, chi nguồn Ngân sách nhà nước đúng quy định trên tinh thần tiết kiệm.

- Xây dựng kế hoạch giá dịch vụ; thực hiện thu chi giá, phí dịch vụ theo đúng kế hoạch và được sự thống nhất giữa Nhà trường và phụ huynh học sinh.

- Nhà trường thu, chi đúng định mức và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và người lao động

a) Về tổ chức bộ máy:

- Tổng số lớp học: 28 lớp

- Tổng số học sinh: 875em. Trong đó:

+ Khối 1: 173 em (06 lớp)

+ Khối 2: 199 em (06 lớp)

+ Khối 3: 162em (05 lớp)

+ Khối 4: 163em (05 lớp)

+ Khối 5: 178em (06 lớp)

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 50 người.

Trong đó:

+ Biên chế: 46 người.

+ Hợp đồng trong Ngân sách: 04 người
 - Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 50 người.
 Trong đó:

+ Biên chế: 48 người.

+ Hợp đồng trong Ngân sách: 02 người

(Tăng 0 biên chế, và tăng 02 HĐNS. giảm 01 biên chế do nghỉ hưu)

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tình hình chấp hành chính sách, chế độ và quy định về tài chính

Huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào học lớp 1 tại trường.

Chi bộ : Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Trường được công nhận: Tập thể lao động tiên tiến

Công đoàn đạt : Công đoàn Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Chi đoàn đạt : Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ

Liên đội đạt : Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và giáo viên. 100% CBGVNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác kiểm tra: Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra nội bộ trường học. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường, tham mưu kịp thời với lãnh đạo các cấp xử lý nghiêm các hành vi sai phạm về quy định ngành, các vi phạm về dạy thêm-học thêm, ...

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa: Tiếp tục huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường đầu tư nguồn lực để hỗ trợ kịp thời cho học sinh nghèo, học sinh thuộc diện khó khăn.

Tăng cường công tác truyền thông về giáo dục: Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, thông tin, truyền thông về giáo dục, tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển của nhà trường, của ngành. Tăng cường truyền thông việc thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Công tác quản lý tài chính: Tăng cường năng lực, trách nhiệm trong điều hành, quản lý tài chính, tài sản công. Có kế hoạch quản lý, cân đối các nguồn thu chi trong nhà trường hợp lý, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, đúng mục đích, chống lãng phí tiêu cực. Tuyệt đối không thu các khoản thu trái quy định. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh diện chính sách xã hội, quan tâm tạo cơ hội cho học sinh khuyết tật.

Về công tác thi đua: Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua trong nhà trường, quán triệt sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp về công tác thi đua khen thưởng; Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng của trường, thực hiện thi đua theo đúng các văn bản hướng dẫn, thi đua đảm bảo công bằng, chính xác và khách quan.

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

Thực hiện thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ để định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh; Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hàng năm, nhà trường ban hành giá dịch vụ theo phương án thoả thuận với phụ huynh học sinh.

Thực hiện thu, chi các nguồn thu dịch vụ theo đúng quy định hiện hành, tránh lạm thu, thu ngoài các nguồn thu quy định. Các nguồn thu dịch vụ gồm: Vệ sinh học đường, bán trú, đồ dùng bán trú.

- Thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận.

Thực hiện tiếp nhận TSCĐ, trang thiết bị dạy học được cấp theo đúng quy định. Bảo quản tốt TSCĐ, trang thiết bị và phân phối đến từng bộ phận cụ thể.

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của UBND quận về số lượng viên chức, tiếp nhận, chuyển chuyển công tác viên chức theo phân cấp quản lý của cấp trên.

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn là cơ quan chuyên môn do Phòng GD&ĐT quản lý chỉ đạo chuyên môn trực tiếp và tổ chức học tập bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CB-VC và người lao động theo phân cấp quản lý của cấp trên.

Thực hiện các nhiệm vụ chỉ không thường xuyên theo đúng quy định của Nhà nước.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo đúng quy định của Nhà nước trên tinh thần tiết kiệm.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn được UBND quận Sơn Trà ra Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP giai đoạn 2022-2025.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ: theo QĐ số 220/QĐ- THTQT ngày 6/9/2023 của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn

- Nguồn thu theo giá dịch vụ: 4.632.727.000đ trong đó

Tiền đồ dùng bán trú: 137.650.000đồng
 Tiền bán trú: 4.391.882.000 đồng
 Tiền vệ sinh học đường: 103.195.000 đồng
 - Nguồn chi theo giá dịch vụ: 4.863.053.184 đồng
 Tiền vệ sinh học đường: 108.697.800 đồng
 Tiền đồ dùng bán trú: 119.664.000 đồng
 Tiền bán trú: 4.634.691.384 đồng Trong đó (chi cho con người
 là 1.248.593.887đồng)

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết nguồn 13 và 14)

+ Dự toán thu: 8.379.923.000 đồng

+ Số thực hiện: 8.379.923.000đồng. trong đó:

- Dự toán chi thường xuyên:

+ Dự toán chi nguồn 13 và 14 : 8.379.923.000đồng

-Số thực hiện nguồn 13 là: 8.379.456.000đồng

- Số thực hiện nguồn 14 là: 467.000đồng

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ 1.081.593.428đồng trong đó

- Chi bổ sung thu nhập: 651.223.428 đồng

+ Chi khen thưởng, phúc lợi: 430.370.000 đồng

- Tình hình sử dụng kinh phí tiết kiệm của trường

Nguồn thu, chi NSNN cấp: 1.081.593.428 đồng, Nguồn 13, 14 : 1.081.593.428 đồng số còn lại chuyển sang năm sau sử dụng 0 đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 651.223.428 đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị: 1,136 triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: 0,179 lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 1,136 triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 0,909 triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận số 1012/QĐ-UBND ngày 4/4/2022; Trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ dựng nội dung theo phụ lục số 5 kèm

theo thông tư 56/2022-BTC. Nội dung chi và định mức chi căn cứ theo các chế độ, tiêu chuẩn và quy định của Nhà nước.

Trường căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 để tổ chức hoạt động tài chính.

Nhà trường xây dựng tỉ lệ từ nguồn chi khác của nhà trường một cách cụ thể và hợp lý cho từng nội dung chi: Chi hỗ trợ cá nhân, chi hoạt động chuyên môn, hoạt động của nhà trường, chi mua sắm, sửa chữa và các khoản chi khác. Các khoản chi được công khai trong mỗi buổi họp HĐSP dựa trên tinh thần tiết kiệm, tránh lãng phí.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu

Để tiết kiệm nguồn tăng thu nhập, nhà trường quán triệt các lớp học thực hành tiết kiệm điện, giáo dục học sinh tắt thiết bị điện khi ra khỏi phòng; xây dựng nội quy sử dụng nhà vệ sinh, nội quy sử dụng nước. Đồng thời, chỉ đạo giáo viên hướng dẫn học sinh trong việc tiết kiệm nước, bảo quản đồ dùng, trang thiết bị của lớp.

Quán triệt toàn thể CBGVNV thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng điện nước hiệu quả, sử dụng và bảo quản tài sản, trang thiết bị của nhà trường đúng mục đích.

Hàng ngày, lãnh đạo giám sát việc thực hiện về sử dụng điện, nước.

Thực hiện khoán văn phòng phẩm cho Giáo viên; khoán công tác phí, khoán dịch vụ điện thoại cho lãnh đạo và bộ phận kế toán;

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không có

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên:

- Nguồn 12:

+ Nguồn thu: 561.678.087 đồng

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ: 561.678.087 đồng

- Nguồn 15:

+ Nguồn thu: 98.015.000 đồng

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ: 98.015.000 đồng

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang, phòng Giáo dục và Đào tạo quận. Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, giúp đơn vị chủ động được nguồn kinh phí, tự cân đối được nguồn thu để thực hiện chỉ tiêu cho phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị, nâng cao được ý thức thực hành tiết kiệm. Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

- Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính đã chủ động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao hiệu quả hơn để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ phát triển hoạt động dịch vụ, tạo điều kiện tăng thu. Trường đã xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ để tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, do vậy, đơn vị đã tiết kiệm chi thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp.

- Trên cơ sở mở rộng các hoạt động dịch vụ, tăng nguồn thu, cùng với nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước giao đã từng bước nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho ngành giáo dục; tạo điều kiện cho phụ huynh ngày càng có nhiều cơ hội được lựa chọn, tiếp cận với các dịch vụ có chất lượng.

b) Những khó khăn tồn tại:

Trường có 1 dãy phòng – 10 phòng đã được Sở kế hoạch đầu tư kiểm định mức độ C, 1 dãy 6 phòng mức độ B từ năm 2020 nhưng chưa được thay thế. Nên, cơ sở vật chất xuống cấp hư hỏng nhiều phòng học bị dột, sơn bong tróc nhiều, các cửa sổ bị hư hỏng, hệ thống điện ở một số phòng học cũ không đáp ứng được nhu cầu sử dụng thường xuyên bị hư hỏng.

7. Đề xuất, kiến nghị: UBND quận tiếp tục tham mưu với UBND thành phố đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây mới trường giai đoạn 2024-2026 theo công văn 6172/UBND-SKHĐT ngày 5/12/2023 của UBND thành phố về việc liên quan chủ trương đầu tư dự án xây mới, thay thế một số hạng mục trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT (Tha_2)

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]
Nguyễn Thị Kim Ngân



Phụ lục

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 60/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2023

STT	Tên đơn vị	EQ chủ quản	Lĩnh vực (Bảo cáo chỉ tiêu theo 07 lĩnh vực sự nghiệp: giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao và du lịch, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác)	Số lượng đơn vị		Giáo tự chủ năm 2023		Giáo đầu năm 2023			Cuối năm 2023			Quỹ tiền lương người, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (TN/GN, 01/00 (tạo) và 01/05, 01/07)	Nguồn					
				Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ đảm bảo chỉ thường xuyên (%)	Loại hình tự chủ (Bảo cáo chỉ tiêu theo 04 Nhóm: Đơn vị tự bảo đảm chỉ thường xuyên và chỉ đầu tư (nhóm 1); Đơn vị tự bảo đảm chỉ thường xuyên (nhóm 2); Đơn vị tự bảo đảm một phần chỉ thường xuyên (nhóm 3); Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chỉ thường xuyên (nhóm 4))	Tổng số cán bộ, viên chức (bao gồm lao động hợp đồng): người	Trong đó			Tổng số cán bộ, viên chức (bao gồm lao động hợp đồng): người	Trong đó							
									Số lượng cán bộ, viên chức (người)	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên (người)	Số lao động hợp đồng dưới 01 năm (người)		Số lượng cán bộ, viên chức (người)		Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên (người)	Số lao động hợp đồng dưới 01 năm (người)				
a	b	c	d	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14+15+16+17	18	19	20
TỔNG SỐ				1	1			50	46	0	4	50	48	0	2	5.392	13.243	0	0	4.063,1
11	Trần Quốc Toàn	UBND quận Sơn Trà	Giáo dục	1	1	100%	Nhóm 4	50	46	-	4	50	48	-	2	5.392	13.243			4.063,1



DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	tài chính (thực hiện)					Chi thường xuyên (Thực hiện)														
		NSNN hỗ trợ chi thường xuyên gia tăng trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (Nguồn 13+14 trên mẫu 20a niên độ 2023)	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên	Nguồn thu hợp pháp khác (cho thuê căn tin)	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KTCT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)	Tổng số	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương					Chi thuế chuyển giao, nhà khoa học	Chi hoạt động chuyển đổi sang nền kinh tế số và công nghiệp	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Chi quản lý chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên (chi khác - 24.2)	Trích kinh phí tài sản cố định	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Chi trả lãi tiền vay	Chi thường xuyên khác (thuận thành lập đơn vị, nếu có) Thu nhập của	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KTCT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)
								Cộng	Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Chi thường xuyên gia tăng theo (TM 0000, 6100 (loại trừ 6105, 6140), 6100)	Chi phục vụ công tác thu phí	Chi hoạt động dịch vụ khác (TK 612, 642 loại trừ căn tin)									
a	b	18	19	20	21	22	23=24+...+33	24=24.1+...+24.4	24.1	24.2	24.3	24.4	25	26	27	28	29	30	31	32	33
		8.380	0	0	0	0	13.243	11.202					0	0	0	2.041	0	0			0
11	Trần Quốc Toàn	8.380			-		13.243	11.202,0		6.338,95		4.863				2.041,0					



Số TT	Tên đơn vị	Phân phối kết quả tài chính					Thu nhập tăng thêm				Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ								Vốn vay, vốn vay động			
		Chính lịch thu, chi thường xuyên năm	Trích Quỹ phát triển hoạt động vụ nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khon thường và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)	Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm (triệu đồng) (6.034)	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (lần/ quỹ tiền lương) (TM 1404/6000)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của từng đơn vị (triệu đồng/ tháng)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của từng đơn vị (triệu đồng/ tháng)	Thu				Chi				Vốn vay của các tổ chức tư động	Số đã trả nợ các tổ chức tư động	Thay đổi của các bộ, văn chức	Số đã trả nợ các bộ, văn chức
											Nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12+15 trên mẫu 20a năm đi 2023)	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật	Nguồn khác	Nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12+15 trên mẫu 20a năm đi 2023)	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật	Nguồn khác				
a	b	34+14.23	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54
		0	0	0	0	0	651	0,00	1	1	659								0	0	0	0
11	Trần Quốc Toàn						651,223	0,179	1,136	0,909	659,693				659,693							



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2023

TT	Nội dung	Đơn vị	Trần Quốc Toán	
			Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	50	50
1	Số cán bộ, viên chức	Người	46	48
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người		
3	Số lao động hợp đồng dưới 01 năm	Người	4	2
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (6000, 6100 (loại trừ 6105, 6149)	Triệu đồng	5391,941	5391,941
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng		
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên		13.242,976	13.242,976
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:			
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ			
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)			
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)			
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định) TK 531 - Thuê căn tin		4863,053	4863,053
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên) Nguồn 13+14 trên mẫu 20a niên độ 2023		8379,923	8379,923
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)			

6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)			
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) cho thuê Căn tin		-	-
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)			
IV	Chi thường xuyên		13.242,976	13.242,976
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương (TM 6000,6100 (loại trừ 6105, 6149), 6300)		6338,9529	6338,9529
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học			
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp (TK 632, 642 loại trừ căn tin)		4863,053	4863,053
	Chi con người		1248,594	1248,594
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí			
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên (Tổng nguồn 13, nguồn 14 trừ mục 1)		2040,970	2040,970
6	Trích khấu hao tài sản cố định			
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)			
8	Chi trả lãi tiền vay			
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có) Cho thuê căn tin		-	-
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên			
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)			
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>			
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập			
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi			
4	Trích Quỹ khác (nếu có)			
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>			
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị (TM 6404)	triệu đồng	651,223	651,223

	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (TM 6404 chia TM 6000)	lần	0,103	0,103
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng	1,136	1,14
	Người có thu nhập ứng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng	0,909	0,909
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Chi tiết từng nguồn kinh phí)		659,693	659,693
1	Nguồn thu		659,693	659,693
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí) Nguồn 12+15 trên mẫu 20a niên độ 2023		659,693	659,693
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên			
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật			
d	Nguồn khác			
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		659,693	659,693
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng		
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng			
	Số vốn vay			
	Số đã trả nợ			
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức			
	Số vốn huy động			
	Số đã trả			

Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A.III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Kim Ngân